

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2023/DS-ST

Ngày 25-12-2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thúy Lợi và bà Doãn Thị Lệ.

-Thư ký phiên tòa:

Ông Phạm Quang Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:

Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 283/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023, về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2023/QĐXXST-DS ngày 22-11-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 153/2023/QĐST-DS ngày 08-12-2023, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Phùng T, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 70A , tổ 6, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do bà Nguyễn D, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 300 T, tổ 10, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, làm đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền được công chứng tại Văn phòng Công chứng Đỗ Hải ngày 13-10-2023). Có mặt.

-Bị đơn: Bà Nguyễn K, sinh năm 1992; địa chỉ: Hẻm số 6/83 L, tổ 4, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 14-9-2023, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 19-9-2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày: Bà Phùng T và bà Nguyễn K có quen biết nhau nên bà K đã nhiều lần vay tiền của bà T để làm ăn, cụ thể như sau:

Ngày 19-02-2017 âm lịch (tức 16-3-2017 dương lịch), bà K vay bà T số tiền là: 30.000.000 đồng, lãi suất 2,5%, hạn cuối năm trả.

Ngày 22-3-2017 âm lịch (tức 18-4-2017 dương lịch), bà K vay bà T số tiền là: 20.000.000 đồng, hạn cuối năm trả.

Ngày 29-6-2017 âm lịch (tức 22-7-2017 dương lịch), bà K tiếp tục vay của bà T số tiền 20.000.000 đồng, hạn cuối năm trả.

Ngày 01-7-2018 âm lịch (tức 11-8-2018 dương lịch), bà K tiếp tục vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng, hạn 3 ngày trả.

Ngày 23-9-2018 âm lịch (tức 31-10-2018 dương lịch), bà K tiếp tục vay của bà T số tiền 20.000.000 đồng, hạn cuối năm 2018 trả.

Tất cả các lần vay tiền nêu trên, bà K có viết giấy vay tiền và ký nhận; tổng cộng 05 lần vay với số tiền là: 190.000.000 đồng

Bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà K phải trả cho bà T toàn bộ số tiền nợ gốc nêu trên và lãi suất của các khoản vay theo mức lãi suất 1,66%/tháng, kể từ ngày vay đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của vụ án và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là bà K đến tham gia tố tụng tại Tòa án để thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự nhưng không đến và cũng không có văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc, nhưng thay đổi yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất và thời điểm tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P; Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ, cấp, tổng đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn cố tình trốn tránh, không tham gia phiên tòa. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 190.000.000 đồng; tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận; đối với các khoản vay không kỳ hạn không lãi thì nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ về việc báo trước cho bị đơn nên thời điểm tính lãi của các khoản vay này được tính từ thời điểm nguyên đơn làm đơn khởi kiện cho đến ngày xét xử sơ thẩm; khoản vay có thời hạn 3 ngày thì thời gian tính lãi từ ngày đến hạn cho đến ngày xét xử

sơ thẩm. Bị đơn nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia tố tụng để thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự nhưng không có mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều: 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Trong quá trình tố tụng vụ án đến trước khi Tòa án ra bản án, các bên đương sự không đưa ra yêu cầu áp dụng thời hiệu. Căn cứ vào khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét về thời hiệu khởi kiện (được giải đáp vướng mắc tại mục 3 phần IV của Văn bản số: 89/TANDTC-PC ngày 30-6-2020 của Tòa án nhân dân tối cao).

[2] Chứng cứ gốc do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án là 03 tờ giấy không có tiêu đề nhưng thể hiện nội dung bà K mượn tiền của bà Thủy, cụ thể như sau:

Tờ giấy vỡ ô ly thứ nhất ghi 03 lần mượn tiền: Lần 1: Ngày 19 tháng 2 năm 2017 (Âm lịch) tôi có mượn tiền của chị T là 30.000.000 đồng (Ba chục triệu đồng) với lãi suất 2,5%. Ký tên: K. Lần 2: Ngày 22/3/2017 (Âm lịch) có mượn tiền của chị T là 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng). Ký tên Ng. K. Lần 3: Ngày 30/6/2017 (ÂL) có mượn tiền của chị T là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng). Ký tên: Ng. K.

Tờ giấy vỡ ô ly thứ hai: 01/7/2018. Tôi là: Nguyễn K, số chứng minh: 2312000, có mượn của chị T với số tiền: 100.000.000^d (Một trăm triệu đồng) vay trong thời hạn 3 ngày. Tôi cam kết đúng 3 ngày sẽ hoàn lại số tiền cho chị là 100.000.000^d (Một trăm triệu đồng). Nếu sai lời hẹn đền bù gấp đôi cho chị. Ký tên: Ng. K (Lần 4).

Lần 5 ghi vào mảnh giấy màu vàng khổ 4cm x 6cm: Ngày 23/9/2018 (Â) có nhận chị T 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng). Ký tên: Ng. K.

Theo đó, Lần 1 là hợp đồng vay không kỳ hạn có lãi; Lần 2, 3 và 5 là hợp đồng vay không kỳ hạn không lãi; Lần 4 là hợp đồng vay có kỳ hạn không lãi. Đối với các hợp đồng vay không kỳ hạn thì nguyên đơn đã đòi nhiều lần nhưng bị đơn không thực hiện nên nguyên đơn có quyền đòi lại tài sản đã vay theo quy định tại Điều 469 của Bộ luật dân sự; hợp đồng vay Lần 4 có kỳ hạn không lãi, thời hạn vay 3 ngày nhưng khi

đến hạn bị đơn không trả nên nguyên đơn có quyền khởi kiện đòi lại tài sản đã cho vay theo quy định tại Điều 470 của Bộ luật dân sự.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ bằng hình niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nơi bị đơn cư trú, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, mặc nhiên bị đơn đã cố tình trốn tránh và từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình mà không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ tiền theo giấy mượn tiền do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án là có căn cứ.

[4] Xem xét về yêu cầu tính lãi suất: Lần 1, hai bên thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng tương đương 30%/năm, mức lãi suất này vượt quá giới hạn 20%/năm được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực; các Lần: 2, 3, 4, 5 hai bên không thỏa thuận lãi suất nên buộc Bên vay phải trả mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, là 10%/năm. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về mức lãi suất và thời điểm tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Đối với các Lần cho vay không kỳ hạn, mặc dù không xác định được thời điểm đến hạn của các khoản vay nhưng nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ mà không thực hiện nên tính lãi suất từ ngày cho vay đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nguyên đơn, vì từ khi cho vay đến nay nguyên đơn chưa nhận được đồng tiền lãi và tiền gốc nào từ phía bị đơn. Nếu tính thời điểm đến hạn của các khoản vay vào thời điểm cuối năm là 31-12 của các năm cho vay như nguyên đơn trình bày hoặc tính thời điểm chậm trả từ ngày nguyên đơn làm đơn khởi kiện là không có căn cứ thuyết phục để xác định thời điểm đến hạn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn như sau:

Lần 1: 30.000.000 đồng x 20% x 2.439 ngày : 365 ngày = 40.093.150 đồng.

Lần 2: 20.000.000 đồng x 10% x 2.471 ngày : 365 ngày = 13.539.726 đồng.

Lần 3: 20.000.000 đồng x 10% x 2.343 ngày : 365 ngày = 12.838.356 đồng.

Lần 4: 100.000.000 đồng x 10% x 2.054 ngày : 365 ngày = 56.273.972 đồng.

Lần 5: 20.000.000 đồng x 10% x 1.854 ngày : 365 ngày = 10.158.904 đồng.

Tổng cộng lãi suất của cả 5 lần vay từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm là: 132.904.108 đồng.

Từ những căn cứ và nhận định tại các luận điểm từ [2] đến [4] như trên, Tòa án đã đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

-Áp dụng các Điều: 275, 278, 280, 463, 466, 468, 469, 470 của Bộ luật dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng T.

Buộc bà Nguyễn K phải trả cho bà Phùng T, số tiền là: 322.904.108 đồng (trong đó: 190.000.000^d tiền gốc và 132.904.108^d tiền lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn K phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 16.145.205 đồng.

Bà Phùng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà T số tiền là: 10.003.040 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo theo Biên lai số 0001287 ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Người được quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS TP.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thường